SAO Y
Người ký: Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai
Email: hdnd@dongnai.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 14.07.2023 07:54:05 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra số 448/BC-BKTNS ngày 04 tháng 7 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, cụ thể:

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, đối với các sản phẩm gồm:

- Lĩnh vực trồng trọt: lúa, sầu riêng, chôm chôm, bưởi, xoài, hồ tiêu, ca cao, điều, dưa lưới và rau các loại.
- Lĩnh vực chăn nuôi: heo, gà.

b) Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này, được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình và nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ (gọi tắt là cơ sở).

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong thực hiện Nghị quyết này.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Nội dung và định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ một lần 100% chi phí xác định diện tích đủ điều kiện sản xuất hữu cơ, gồm điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ).

b) Hỗ trợ một lần về vật tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho các cơ sở, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ phân bón hữu cơ đối với lĩnh vực trồng trọt. Mức hỗ trợ như sau: sầu riêng, xoài, bưởi, dưa lưới: 25 triệu đồng/ha; chôm chôm, hồ tiêu, ca cao: 20 triệu đồng/ha; rau ăn quả: 12 triệu đồng/ha; cây điều: 10 triệu đồng/ha; lúa và rau ăn lá: 09 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ thức ăn hữu cơ đối với lĩnh vực chăn nuôi. Mức hỗ trợ đối với heo: 08 triệu đồng/đơn vị vật nuôi; gà: 05 triệu đồng/đơn vị vật nuôi.

c) Hỗ trợ một lần chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm nông nghiệp phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ (chứng nhận lần đầu hoặc chứng nhận lại), bao gồm: tư vấn, đào tạo, kiểm nghiệm, đánh giá chuyển đổi, đánh giá cấp giấy chứng nhận, giám sát:

- Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận phù hợp với tiêu chuẩn nước ngoài cho đối tượng là doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ gia đình hoặc nhóm hộ sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/giấy chứng nhận.

- Hỗ trợ 100% chi phí cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam và tiêu chuẩn nước ngoài cho đối tượng là doanh nghiệp (không bao gồm doanh nghiệp nhỏ). Mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/giấy chứng nhận.

d) Hỗ trợ một lần chi phí thực hiện truy xuất nguồn gốc và quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, cụ thể:

- Hỗ trợ chi phí tài khoản quản lý thông tin truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ tối đa 05 triệu đồng/cơ sở. Thời gian hỗ trợ trong 01 năm.

- Hỗ trợ chi phí mua tem truy xuất nguồn gốc, mức hỗ trợ tối đa 25 triệu đồng/cơ sở.

- Hỗ trợ quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, mức hỗ trợ tối đa 20 triệu đồng/cơ sở.

4. Điều kiện hỗ trợ

Đối với nội dung hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này:

a) Đảm bảo các điều kiện hỗ trợ theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ.

b) Có phương án tiêu thụ sản phẩm hoặc hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

c) Vật tư hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ là vật tư được phép sử dụng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo quy định.

d) Thông tin truy xuất nguồn gốc đầy đủ từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; nội dung quảng cáo phù hợp, theo quy định của pháp luật.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ: từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện tại các Kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa X Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL-Bộ Tư pháp;
- Bí thư Tỉnh ủy;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND,TAND, CTTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT, Phòng CTHĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thái Bảo